

Phần D

Phân tích tài chính

- *Dẫn nhập*
- *Phân tích chỉ tiêu tài chính*
- *Tóm tắt*
- *Suy ngẫm*

1 Dẫn nhập

Bạn đã thấy rằng có rất nhiều thông tin chứa đựng bên trong các báo cáo tài chính. Khai thác và sử dụng những thông tin này như thế nào, dưới góc độ nào là tùy thuộc vào chính bạn. Bạn có thể dùng các thông tin được công bố trên báo cáo tài chính của một doanh nghiệp bất kỳ để phân tích và đánh giá sự lành mạnh về tài chính của doanh nghiệp đó.

Hơn ai hết, các nhà đầu tư hiểu tầm quan trọng và sự cần thiết của việc thông tin tài chính phải được công bố đầy đủ, trung thực và hợp lý trên báo cáo tài chính và các thuyết minh đính kèm. Mức độ ảnh hưởng của các thông tin tài chính đến quyết định của các nhà đầu tư cũng là lớn nhất. Ví dụ như khi ngân hàng xét cho vay, quỹ tài chính hay nhà đầu tư chuyên nghiệp quyết định đầu tư vào một cổ phiếu hay một doanh nghiệp nào đó, các bên này đều dựa vào một số chỉ tiêu tài chính để nhận định về thực trạng kinh doanh của khách hàng. Việc phân tích các chỉ tiêu tài chính giúp nhà đầu tư đánh giá rủi ro của việc đầu tư, từ đó có những quyết định thích hợp.

Thông qua phân tích các chỉ tiêu tài chính, doanh nghiệp có thể đánh giá hoạt động của từng loại hình kinh doanh, từng sản phẩm chuyên biệt cũng như khả năng điều hành của từng giám đốc/trưởng bộ phận liên quan. Một số doanh nghiệp được tổ chức theo những trung tâm quản lý lợi nhuận. *(Nghĩa là từng bộ phận được hạch toán kế toán riêng biệt, trưởng bộ phận này sẽ chịu trách nhiệm trước ban giám đốc về hiệu quả kinh doanh của bộ phận mình. Thông thường, các trung tâm quản lý lợi nhuận được phân quyền cho những sản phẩm/dịch vụ cụ thể*

và riêng biệt.) Lúc này, phân tích tài chính sẽ được áp dụng cho từng trung tâm quản lý lợi nhuận để thể hiện rõ hiệu quả điều hành của từng trung tâm một.

Phần D này sẽ giới thiệu đến bạn những chỉ tiêu tài chính quan trọng để đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn doanh nghiệp cũng như đánh giá mức đóng góp của từng phòng ban trong kết quả chung.

2 Phân tích chỉ tiêu tài chính

D Tỷ suất là tương quan giữa số này và số kia. Ví dụ nhóm công nhân thứ nhất có 12 người và nhóm thứ hai có 8 người, tỷ suất giữa hai nhóm có thể được trình bày như sau:

$$12 : 8 \text{ hoặc } \frac{12}{8} \text{ hoặc } 3 : 2 \text{ hoặc } \frac{3}{2} \text{ hoặc } 1,5 : 1$$

hoặc 1,5 lần hoặc 150%

Kế toán thường dùng một trong hai dạng cuối.

2.1 Các chỉ tiêu tài chính bắt buộc

Để người đọc báo cáo tài chính có thể đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, Bộ Tài chính Việt Nam yêu cầu doanh nghiệp phải công bố các chỉ tiêu tài chính trên thuyết minh báo cáo tài chính, theo 3 nhóm chính sau:

- **Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn**
 - **Bố trí cơ cấu tài sản**
 - Tài sản cố định/Tổng tài sản
 - Tài sản lưu động/Tổng tài sản
 - **Bố trí cơ cấu nguồn vốn**
 - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn
 - Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn
- **Khả năng thanh toán**
 - Tỷ suất thanh toán nợ ngắn hạn (Hệ số khả năng thanh toán hiện hành)
 - Tỷ suất thanh toán nhanh (Hệ số khả năng thanh toán nhanh)
 - Tỷ suất thanh toán nợ dài hạn

- Tỷ suất sinh lời (Hệ số doanh lợi)
 - Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu
 - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu
 - Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản
 - Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản
 - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu

2.2 Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn

Các số liệu dùng để tính các tỷ số này sẽ được thu thập từ bảng cân đối kế toán. Các tỷ số về bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn được tính đơn giản và rõ ràng, bản thân tên gọi của từng chỉ tiêu đã bao hàm cách tính.

Vi dụ:

Các tỷ số về bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp Tinh Hoa như sau: (Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp Tinh Hoa được tìm thấy ở ngay trước thực hành 9, phần B)

Tỷ suất Tài sản cố định/Tổng tài sản	$= \frac{\text{Tài sản cố định}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100\% = \frac{2.320}{3.320} \times 100\% = 69,9\%$
---	---

Tỷ suất Tài sản lưu động/Tổng tài sản	$= \frac{\text{Tài sản lưu động}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100\% = \frac{1.000}{3.320} \times 100\% = 30,1\%$
--	--

Tỷ suất Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	$= \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Tổng nguồn vốn}} \times 100\% = \frac{200}{3.320} \times 100\% = 6,0\%$
---	--

Tỷ suất Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	$= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng nguồn vốn}} \times 100\% = \frac{3.120}{3.320} \times 100\% = 94,0\%$
--	--

2.3 Các tỷ suất khả năng thanh toán

2.3.1 Tỷ suất thanh toán nợ ngắn hạn

Bạn hẳn còn nhớ rằng tài sản lưu động là tiền mặt và các dạng tài sản có tính thanh khoản cao (dễ chuyển thành tiền). Nợ ngắn hạn là những khoản nợ cần phải thanh toán trong thời gian ngắn. Một

doanh nghiệp sáng suốt cần phải duy trì đủ tài sản lưu động để đảm bảo thanh toán kịp thời các khoản nợ ngắn hạn.

Yêu cầu này đưa đến một chỉ tiêu tài chính quan trọng, đó là **tỷ suất thanh toán nợ ngắn hạn** (còn gọi là **hệ số khả năng thanh toán hiện hành/tỷ suất tài sản lưu động trên nợ ngắn hạn**).

Tỷ suất này cho biết khả năng chi trả (nợ), hay nói cách khác là khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

$$\text{Tỷ suất thanh toán nợ ngắn hạn} = \frac{\text{Tài sản lưu động} + \text{Đầu tư ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \text{__ lần}$$

Ở các nước, tỷ lệ đo phá sản chính của doanh nghiệp thông thường là đo không đủ khả năng thanh toán nợ đến hạn. Thuật ngữ tài chính trong trường hợp này gọi là "mất khả năng thanh toán".

Ở Việt Nam, tuy luật phá sản doanh nghiệp chưa được chính thức thông qua, tỷ suất này cũng có tầm quan trọng lớn vì các giao dịch mua bán và huy động vốn của doanh nghiệp sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng nếu doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.

Tỷ suất này còn có tên gọi khác là **tỷ suất vốn lưu động** vì nó so sánh tương quan giữa hai khía cạnh khác nhau của vốn lưu động: tài sản lưu động và nợ ngắn hạn.

Thực hành 34

2 phút 



Trên bảng cân đối kế toán của Công ty TNHH Nam Long tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 200X, tài sản lưu động trị giá 138 triệu đồng, không có đầu tư ngắn hạn và nợ ngắn hạn là 120 triệu đồng.

Hãy tính tỷ suất thanh toán nợ ngắn hạn của Nam Long.

.....

.....

.....

Bạn có nghĩ rằng Nam Long sẽ gặp khó khăn khi thanh toán nợ ngắn hạn không? Đưa ra dẫn chứng cho câu trả lời của bạn.

.....

.....

$$\text{Tỷ suất thanh toán nợ ngắn hạn} = \frac{138 \text{ triệu đồng} + 0}{120 \text{ triệu đồng}} = 1,15 \text{ lần}$$

Nam Long vẫn đủ khả năng chi trả. Tỷ suất bằng hoặc lớn hơn 1 có nghĩa là doanh nghiệp có đủ tài sản lưu động để trả mọi khoản nợ ngắn hạn.

Ai có thể đảm bảo rằng các tài sản lưu động như hàng tồn kho, các khoản phải thu sẽ kịp chuyển thành tiền để trả nợ đến hạn? Khách hàng mua chịu có xu hướng chiếm dụng vốn càng lâu càng tốt và thời hạn thanh toán thường từ một đến hai tháng. Hàng tồn kho càng khó chuyển đổi thành tiền hơn nữa. Nếu áp dụng chính sách bán chịu, doanh nghiệp của bạn phải nghĩ đến việc đẩy hàng đi trước đã, sau đó mới nghĩ đến việc thu tiền. Việc chuyển đổi hàng hóa thành tiền mặt sẽ càng mất nhiều thời gian hơn nếu doanh nghiệp phải tăng thời hạn thanh toán cho khách hàng để tống bớt hàng chậm luân chuyển (ví dụ như thành phẩm lỗi thời do tồn kho quá lâu, nguyên vật liệu quá đặc thù, v.v...).

2.3.2 Tỷ suất thanh toán nhanh

Tỷ suất thanh toán hiện hành là một chỉ số tổng quát về khả năng chi trả nợ của một doanh nghiệp. Vì không thể dễ dàng chuyển đổi tài sản lưu động thành tiền, khả năng thanh toán của doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng nhiều nếu giá trị tồn kho chiếm tỷ trọng lớn và nhiều khả năng không thể bán lấy tiền mặt hoặc tỷ lệ khoản phải thu cao. Do đó, để kiểm tra khả năng thanh toán một cách chặt chẽ hơn, chúng ta dùng **tỷ suất thanh toán nhanh** (còn gọi là **hệ số thanh toán nhanh**). **Tài sản chuyển đổi nhanh** được tính bằng cách lấy tài sản lưu động trừ cho giá trị hàng tồn kho và khoản phải thu (như vậy tài sản chuyển đổi nhanh chủ yếu còn tiền mặt, tiền trong ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn). Đây là những loại tài sản có khả năng chuyển đổi thành tiền rất nhanh, hay bản thân chúng đã là tiền rồi.

$$\text{Tỷ suất thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tiền mặt} + \text{Đầu tư ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \text{___ lần}$$

Bạn cũng cần lưu ý rằng nhiều sách khác nhau có thể cho bạn các công thức khác nhau ứng với cùng một thuật ngữ. Ví dụ, đối với tỷ suất thanh toán nhanh, rất nhiều sách sử dụng công thức sau:

$$\text{Tỷ suất thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tiền mặt} + \text{Đầu tư ngắn hạn} + \text{Khoản phải thu}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \text{__ lần}$$

Tỷ số này sẽ cho kết quả lớn hơn tỷ số bạn tính theo công thức ở trên. Ở đây, không tồn tại khái niệm công thức nào chính xác hơn công thức nào. Điều quan trọng là bạn hiểu ý nghĩa chính xác của công thức đó. Trong trường hợp trên, sự khác biệt giữa hai công thức chính là khoản phải thu. Nếu bạn sử dụng công thức đầu, nghĩa là bạn đang quan niệm rằng có nhiều rủi ro liên quan đến khoản phải thu và ta không nên tính đến khoản này để lấy tiền trả nợ. Trong công thức sau, bạn cho rằng doanh nghiệp có thể thu tiền nợ từ khách hàng một cách nhanh chóng để lấy tiền trả nợ. Điều quan trọng khi bạn sử dụng các tỷ số tài chính là bạn phải sử dụng CÙNG một công thức cho các tỷ số cần so sánh với nhau.

D

2.3.3 Tỷ suất thanh toán nợ dài hạn

Ngoài việc quan tâm đến khả năng thanh toán trước mắt, các doanh nghiệp còn cần phải quan tâm đến khả năng thanh toán lâu dài. Một trong những **sai lầm lớn nhất** mà các doanh nghiệp phá sản hay gặp phải là **dùng nợ ngắn hạn để tài trợ cho các tài sản cố định**. Về nguyên tắc, các tài sản cố định chỉ có thể chuyển sang tiền mặt trong thời gian lâu dài (hơn 1 năm). Trong khi đó, các khoản nợ ngắn hạn lại được yêu cầu trả trong thời gian ngắn. Do đó, có thể doanh nghiệp sẽ gặp trường hợp đến hạn trả nợ mà không có tiền và phải tuyên bố phá sản. Để đo lường khả năng phá sản này người ta có thể dùng **tỷ suất thanh toán nợ dài hạn**.

$$\text{Tỷ suất thanh toán nợ dài hạn} = \frac{\text{Tổng tài sản cố định thuần}}{\text{Tổng nợ dài hạn}} = \text{__ lần}$$

Thực hành 35

2 phút 

Tiếp theo nội dung Thực hành 34, giả sử Nam Long có giá trị số sách của hàng tồn kho là 30 triệu đồng, tài sản cố định thuần là 500 triệu đồng và nợ dài hạn là 300 triệu đồng.

1 Tỷ suất thanh toán nhanh của Nam Long là bao nhiêu?

(Bạn sẽ phát hiện ra rằng bạn được yêu cầu tính tỷ suất thanh toán mà không có dữ liệu về tiền mặt, các khoản đầu tư ngắn hạn và khoản phải thu. Hãy cố gắng sử dụng những thông tin mà bạn có: tổng tài sản lưu động và số dư hàng tồn kho cuối kỳ.)

.....

.....

.....

2 Tỷ số thanh toán nợ dài hạn của Nam Long?

.....

.....

$$1 \text{ Tỷ suất thanh toán nhanh} = \frac{138 \text{ triệu} - 30 \text{ triệu}}{120 \text{ triệu}} = 0,9 \text{ lần}$$

Chúng ta có thể tính tỷ suất thanh toán nhanh chỉ với những dữ liệu có sẵn: tổng tài sản lưu động và số dư hàng tồn kho cuối kỳ.

Phép tính được thực hiện như sau:

Tài sản lưu động = Tiền + Đầu tư ngắn hạn + Phải thu + Hàng tồn kho

Do đó:

Tài sản lưu động - Hàng tồn kho = Tiền + Đầu tư ngắn hạn + Phải thu

Tỷ suất thanh toán nhanh = 0,9 nghĩa là nếu công ty huy động tiền mặt trong khoản thời gian (rất) ngắn từ các nguồn chắc chắn như tiền mặt đầu tư ngắn hạn và khoản phải thu thì công ty có thể trả được khoảng 90% tổng các khoản nợ ngắn hạn.

$$2 \text{ Tỷ suất thanh toán nợ dài hạn} = \frac{500 \text{ triệu}}{300 \text{ triệu}} = 1,67 \text{ lần}$$

Tỷ suất thanh toán nợ dài hạn = 1,67 nghĩa là tài sản cố định của công ty có giá trị cao hơn tổng nợ dài hạn đến 1,67 lần.

Với kết quả về tỷ suất thanh toán nhanh và tỷ suất thanh toán nợ dài hạn của Nam Long như trên, ta có thể đánh giá khả năng thanh toán của Nam Long là tương đối tốt. Tuy nhiên các sách về tài chính thường đề nghị các tỷ suất như sau:

- 2:1 (2 lần) cho tỷ suất thanh toán hiện hành;
- 1:1 (1 lần) cho tỷ suất thanh toán nhanh;
- 3:2 (1,5 lần) cho tỷ suất thanh toán nợ dài hạn.

Nhìn chung mỗi lĩnh vực kinh doanh có một tỷ suất thanh toán tham khảo riêng. Một siêu thị có thể chuyển lượng hàng hóa trong kho thành tiền mặt rất dễ dàng và sẽ có đủ tiền để trả nợ. Do vậy tỷ suất thanh toán nợ ngắn hạn của siêu thị khá thấp. Trái lại, tỷ suất thanh toán nợ ngắn hạn của một xí nghiệp lắp ráp tàu biển sẽ cao hơn nhiều. Bán được một chiếc tàu thì nhà máy sẽ thu được rất nhiều tiền, nhưng lượng vốn lưu động cần thiết để sản xuất và lưu trữ chiếc tàu thành phẩm trong kho trước khi bán là rất lớn. Để thật sự an toàn, một xí nghiệp lắp ráp tàu phải có tỷ suất thanh toán hiện hành khoảng chừng 4:1, 5:1 hoặc cao hơn nữa.

Cách tốt nhất để kiểm tra khả năng thanh toán là sử dụng cả tỷ suất thanh toán lẫn bảng dự báo tiền mặt (mà chúng ta đã có dịp xem qua trong phần B). Khi làm như vậy, bạn sẽ có một cái nhìn tổng quát về dòng tiền doanh nghiệp dùng để trả nợ.

Để sử dụng phân tích tỷ suất một cách hợp lý, các nhà phân tích cần kết hợp đối chiếu với:

- tỷ suất của doanh nghiệp khác trong cùng ngành nghề, và
- tỷ suất tiêu chuẩn của ngành đó, nếu có.



Tại Việt Nam hiện nay, bạn gần như không thể thu thập thông tin về chỉ tiêu tài chính của toàn ngành. Bạn chỉ có thể so sánh tỷ suất thanh toán của doanh nghiệp bạn với các doanh nghiệp cạnh tranh trực tiếp. Tuy nhiên, tiến hành thu thập dữ liệu của đối thủ cạnh tranh không phải là việc dễ dàng. Do đó, bạn phải kết hợp các thông tin tài chính và phi tài chính để có thể đánh giá doanh nghiệp/đối thủ tốt hơn.

2.4 Các tỷ suất sinh lời

2.4.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu

Là nhà quản lý, bạn có lẽ muốn biết khả năng sinh lời của toàn doanh nghiệp, và so sánh mức đóng góp của từng bộ phận hay từng dự án đầu tư riêng lẻ với tổng thể chung. **Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu** (còn gọi là **hệ số sinh lợi**) giúp đánh giá hiệu quả hoạt động, chiến lược kinh doanh mà doanh nghiệp áp dụng.

Để đo lường hiệu quả của việc sử dụng nguồn lực tại doanh nghiệp, bạn cần quan tâm đến lợi nhuận đạt được tương ứng với mức doanh thu của doanh nghiệp. Tỷ số tài chính dùng cho mục đích này là **tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu**, thường được tính theo tỷ lệ phần trăm (%).

Tùy theo yêu cầu về mặt thông tin, doanh nghiệp có thể tính tỷ suất lợi nhuận trước thuế hoặc sau thuế.

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Doanh thu}} \times 100\%$$

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Doanh thu}} \times 100\%$$

Thông thường, nếu chỉ nói Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu, bạn nên hiểu là tỷ suất lợi nhuận sau thuế hay còn gọi là **phần trăm lãi thuần**.

Thực hành 36

2 phút 

Dựa vào số liệu của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp tư nhân Tinh Hoa ở Thực hành 11 (mục 4, phần B), hãy tính tỷ suất lợi nhuận trước và sau thuế trên doanh thu của doanh nghiệp này.

.....

.....

.....

.....

.....

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu} = \frac{660 \text{ triệu đồng}}{3.000 \text{ triệu đồng}} \times 100\% = 22\%$$

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu} = \frac{449 \text{ triệu đồng}}{3.000 \text{ triệu đồng}} \times 100\% = 15\%$$

Như vậy cứ mỗi 1 triệu đồng doanh thu, Tinh Hoa có lãi trước thuế 220.000 đồng, đóng thuế 70.000 đồng và còn lại 150.000 đồng lãi sau thuế.



D

Để hiểu đúng tỷ suất sinh lợi, bạn cần so sánh và đối chiếu tỷ suất hiện tại với các tỷ suất của doanh nghiệp trong quá khứ và với một số doanh nghiệp tiêu biểu trong cùng ngành nghề.

Thực hành 37

15 phút



Dưới đây là kết quả hoạt động trong hai năm liên tiếp của hai doanh nghiệp dệt may Đông Dương và Cửu Long.

	Đơn vị tính: triệu đồng			
	Năm 20X1		Năm 20X2	
	Đông Dương	Cửu Long	Đông Dương	Cửu Long
Doanh thu	102	1.500	113	1.420
Lợi nhuận trước thuế	17	211	18	204

1 Hãy tính tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu hàng năm của Đông Dương.

.....

.....

2 Hãy tính tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu hàng năm của Cửu Long.

.....

.....

3. Doanh nghiệp nào đã cải thiện được tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu.

1. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu của Đông Dương

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu 20X1} = \frac{17 \text{ triệu đồng}}{102 \text{ triệu đồng}} \times 100\% = 16,67\%$$

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu 20X2} = \frac{18 \text{ triệu đồng}}{113 \text{ triệu đồng}} \times 100\% = 15,93\%$$

Từ các số liệu trên, bạn có thể thấy rằng cứ mỗi 1 triệu đồng doanh thu, Đông Dương tạo ra 166.670 đồng lợi nhuận trước thuế trong năm thứ 1, và chỉ tạo ra 159.300 đồng lợi nhuận trước thuế trong năm thứ 2. Điều này có nghĩa là Đông Dương đã giảm lợi nhuận và chắc hẳn đã có vấn đề gì đó trong hoạt động của doanh nghiệp.

2. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu của Cửu Long

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu 20X1} = \frac{211 \text{ triệu đồng}}{1.500 \text{ triệu đồng}} \times 100\% = 14,07\%$$

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu 20X2} = \frac{204 \text{ triệu đồng}}{1.420 \text{ triệu đồng}} \times 100\% = 14,37\%$$

Tương tự như câu trên, bạn thấy rằng kết quả hoạt động kinh doanh của Cửu Long được cải tiến trong năm thứ 2 vì cứ mỗi 1 triệu đồng doanh thu, trong năm thứ hai họ đã thu thêm được 3.000 đồng lợi nhuận (= 143.700 – 140.700).

3. Cửu Long nâng cao được tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu trong khi Đông Dương lại giảm. Điều đó chứng tỏ rằng hiệu suất sử dụng nguồn lực của Cửu Long đã được cải tiến và Cửu Long đang rút ngắn khoảng cách cách biệt so với Đông Dương. Điều này có thể là do Cửu Long tìm ra biện pháp để kiểm soát chi phí (chẳng hạn như giảm tỷ lệ phế phẩm, dẫn đến chi phí trên 1 đồng doanh thu giảm), hoặc Cửu Long đã có thể nâng giá bán do thương hiệu mặt hàng hoặc uy tín công ty đã được tăng cường.

Bạn cũng cần lưu ý rằng, việc diễn dịch các tỷ số tài chính cần được tiến hành một cách thận trọng và nên đối chiếu với các chứng

cứ xác thực khác. Trong trường hợp ví dụ này, nếu lợi nhuận đạt được của Cửu Long là do doanh nghiệp tự động nâng giá bán lên cao, thì việc tăng lợi nhuận chỉ là món lợi trước mắt. Về lâu dài, các khách hàng sẽ nhận ra chất lượng sản phẩm của Cửu Long không có giá trị tương xứng với số tiền bỏ ra và họ sẽ quay sang đối thủ của Cửu Long.

2.4.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản

Năng lực quản lý của giám đốc còn có thể được đánh giá thông qua lợi nhuận mà người này kiếm được tương ứng với số tài sản mà họ quản lý. Tỷ số tài chính dùng để đánh giá khả năng quản lý của giám đốc chính là các tỷ số lợi nhuận trên tổng tài sản.

Bạn có hai công thức tính tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản như sau:

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản} = \frac{\text{Lợi nhuận trước thuế}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100\%$$

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản}} \times 100\%$$

Sử dụng công thức nào phụ thuộc vào mục tiêu phân tích của bạn. Nếu bạn cho rằng giám đốc phải chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động cuối cùng của doanh nghiệp thì bạn sẽ sử dụng tỷ suất lợi nhuận sau thuế. Nếu bạn cho rằng giám đốc không tác động được đến mức thuế thu nhập của doanh nghiệp thì bạn sẽ sử dụng tỷ suất lợi nhuận trước thuế. Thực ra, việc sử dụng tỷ suất nào sẽ không ảnh hưởng đến việc đánh giá của bạn nhiều (trừ khi bạn đang có ý định so sánh hiệu quả quản lý của giám đốc làm việc cho các loại hình doanh nghiệp khác nhau) vì thuế suất thường ổn định và áp đặt từ phía Nhà nước cho mỗi loại hình doanh nghiệp. Điều quan trọng là bạn phải sử dụng cùng công thức khi so sánh.

Thực hành 38

4 phút 

Nếu doanh nghiệp Nam Long trong thực hành 34 và 35 có lợi nhuận trước thuế là 100 triệu và thuế suất thuế lợi tức là 32%. Bạn hãy tính:

1. Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản của Nam Long.

.....
.....

2. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản của Nam Long.

Bạn cần lưu ý rằng: Tổng tài sản = Tài sản lưu động + Tài sản cố định. Do đó,

Tổng tài sản của Nam Long = 138 triệu + 500 triệu = 638 triệu đồng

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản = $\frac{100 \text{ triệu}}{638 \text{ triệu}} \times 100\% = 15,67\%$

Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản = 15,67% nghĩa là nếu chủ đầu tư tăng đầu tư thêm 1 triệu đồng vào tài sản, doanh nghiệp sẽ mang lại lợi nhuận trước thuế cho chủ đầu tư thêm 156.700 đồng.

Lợi nhuận sau thuế được tính bằng lợi nhuận trước thuế trừ thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp của Nam Long = 100 triệu x 32%
= 32 triệu đồng

Vậy, lợi nhuận sau thuế của Nam Long = 100 triệu - 32 triệu = 68 triệu

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản = $\frac{68 \text{ triệu}}{638 \text{ triệu}} \times 100\% = 10,69\%$

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản = 10,69% nghĩa là nếu chủ đầu tư tăng đầu tư thêm 1 triệu đồng vào tài sản, doanh nghiệp sẽ mang lại lợi nhuận sau thuế cho chủ đầu tư thêm 106.900 đồng.

2.5 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu

Nếu bạn đang có ý định đầu tư tiền vào một doanh nghiệp nào đó, bạn phải quan tâm tới **mức lợi trên số vốn chủ sở hữu** của doanh nghiệp đó.

Mức lợi này được tính bằng một tỷ lệ phần trăm và nó cho biết hiệu quả sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu = $\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} \times 100\% = \text{---}\%$

Lợi nhuận sau thuế có trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Vốn chủ sở hữu lấy từ bảng cân đối kế toán hoặc tính bằng cách lấy giá trị tổng tài sản trừ đi giá trị nợ ngắn hạn và nợ dài hạn.

Thực hành 39

2 phút 



Vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần Hoa Hương Dương là 1.200 triệu đồng, lợi nhuận trước thuế là 300 triệu đồng. Hãy tính tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của Công ty này.

D

$$\text{Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu} = \frac{300 \text{ triệu đồng}}{1.200 \text{ triệu đồng}} \times 100\% = 25\%$$

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bằng 25% có nghĩa là nếu bạn đã đầu tư 1 triệu đồng vào doanh nghiệp này, bạn sẽ thu được 250.000 đồng lợi nhuận.

Cũng như các tỷ suất khác, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu cũng khác nhau tùy lĩnh vực kinh doanh. Nhìn chung, các tỷ suất về lợi nhuận phản ánh những mức độ rủi ro của các doanh nghiệp. Các nhà đầu tư thường tìm kiếm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu cao để bù đắp những thiệt hại khi bị mất trắng.

Thực hành 40

15 phút 



Hãy thu thập báo cáo tài chính cuối năm của doanh nghiệp bạn và của một vài công ty cổ phần có niềm yết thuộc nhiều ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh khác nhau.

Tính tỷ suất thanh toán hiện hành, tỷ suất thanh toán nhanh, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu, tỷ suất lợi nhuận trên vốn cho mỗi doanh nghiệp. Nếu có đủ số liệu thì tính luôn tỷ suất cho các năm trước.

Viết một bảng tổng kết so sánh giữa các doanh nghiệp với nhau và giữa các năm cho cùng một doanh nghiệp.

Những tỷ suất bạn vừa mới tính sẽ giúp bạn đánh giá hoạt động của các doanh nghiệp và cho biết hiệu quả sử dụng vốn của những doanh nghiệp này như thế nào. Bảng tổng kết của bạn sẽ rất giống với những phân tích mà các cấp lãnh đạo hoặc nhà đầu tư phải thường xuyên thực hiện.

2.6 Các chỉ số tài chính không bắt buộc

Vậy là bạn vừa khảo sát qua tất cả các chỉ tiêu tài chính mà các doanh nghiệp tại Việt Nam được yêu cầu phải thể hiện trên Thuyết minh báo cáo tài chính, được chia thành 3 nhóm:

- Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn
- Khả năng thanh toán
- Tỷ suất sinh lời

Tuy nhiên, hệ thống báo cáo nội bộ còn chịu sức ép từ ban giám đốc về những chỉ tiêu tài chính khác nhằm phục vụ mục đích quản lý của doanh nghiệp. Một số chỉ tiêu tài chính thuộc nhóm tỷ suất hoạt động cũng thường được ban giám đốc chú ý phân tích. Các tỷ suất hoạt động phổ biến bao gồm:

- Vòng quay hàng tồn kho

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{Tồn kho}} = \text{_____} \text{ vòng}$$

- Hiệu suất sử dụng tài sản cố định

$$\text{Vòng quay tài sản cố định} = \frac{\text{Doanh thu}}{\text{TSCĐ} + \text{Đầu tư dài hạn}} = \text{---} \text{ vòng}$$

- Kỳ thu tiền bình quân

$$\text{Kỳ thu tiền bình quân} = \frac{\text{Khoản phải thu} \times 365 \text{ ngày}}{\text{Doanh thu}} = \text{---} \text{ ngày}$$

- Kỳ trả tiền bình quân

$$\text{Kỳ trả tiền bình quân} = \frac{\text{Khoản phải trả} \times 365 \text{ ngày}}{\text{Giá vốn hàng bán}} = \text{---} \text{ ngày}$$



Ví dụ:

Bạn hãy xét trường hợp của doanh nghiệp Tinh Hoa với các số liệu tài chính như sau:

Doanh nghiệp tư nhân Tinh Hoa
Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 200X

Đơn vị tính: triệu đồng

TÀI SẢN		NGUỒN VỐN	
A. Tài sản lưu động (TSLĐ)		A. Nợ phải trả (NPT)	
Tiền	200	Nợ ngắn hạn	50
Các khoản phải thu	400	Nợ dài hạn	120
Hàng tồn kho	300	Nợ khác	30
TSLĐ khác	100		200
	1.000		
B. Tài sản cố định (TSCĐ)		B. Nguồn vốn chủ sở hữu (NV CSH)	
TSCĐ hữu hình	1.600	Vốn kinh doanh	3.000
TSCĐ vô hình	320	Lợi nhuận giữ lại	120
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	400		
	2.320		3.120
TỔNG TÀI SẢN	3.320	TỔNG NGUỒN VỐN	3.320

Doanh thu năm 200X của Tinh Hoa = 3.000 triệu đồng

Giá vốn hàng bán năm 200X = 1.800 triệu đồng

Vậy:

$$\text{Vòng quay hàng tồn kho của Tinh Hoa} = \frac{3.000 \text{ triệu đồng}}{300 \text{ triệu đồng}} = 10 \text{ vòng}$$

$$\text{Vòng quay TSCĐ của Tinh Hoa} = \frac{3.000 \text{ triệu đồng}}{2.320 \text{ triệu đồng}} = 1,29 \text{ vòng}$$


$$\text{Kỳ thu tiền bình quân của Tinh Hoa} = \frac{400 \text{ triệu đồng} \times 365 \text{ ngày}}{3.000 \text{ triệu đồng}} = 48,67 \text{ ngày}$$

$$\text{Kỳ trả tiền bình quân của Tinh Hoa} = \frac{50 \text{ triệu đồng} \times 365 \text{ ngày}}{1.800 \text{ triệu đồng}} = 10,14 \text{ ngày}$$

(Giả định toàn bộ khoản nợ ngắn hạn trên bảng cân đối kế toán của Tinh Hoa là khoản phải trả cho nhà cung cấp: 50 triệu đồng.)

Việc sử dụng chỉ tiêu nào là tùy thuộc vào mục tiêu và yêu cầu quản lý của ban giám đốc doanh nghiệp. Bạn cần lưu ý rằng hai chỉ tiêu kỳ thu tiền/trả tiền bình quân có thể tính theo 360 ngày (cho một năm) hoặc 30 ngày (cho một tháng).

Hãy tự đánh giá 4

12 phút 



- 1 Hãy tính tỷ suất thanh toán hiện hành của doanh nghiệp sản xuất hóa mỹ phẩm Đông Phương. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 200X thể hiện tài sản lưu động là 2.400 triệu đồng và nợ ngắn hạn là 1.900 triệu đồng.

.....
.....
.....



- 2 Hãy tính tỷ suất thanh toán nhanh của Đông Phương nếu sổ sách ngày 31 tháng 12 năm 200X thể hiện giá trị tồn kho là 400 triệu đồng, khách hàng nợ doanh nghiệp 200 triệu đồng.

.....
.....
.....

- 3 Viết công thức tính tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu.

.....
.....

- 4 Số liệu để tính tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu lấy từ những báo cáo tài chính nào?

.....
.....

Bạn có thể tham khảo các câu trả lời ở phần *Đáp án bài tập tự đánh giá* ở phần cuối cuốn sách.

3 Tóm tắt



- Các tỷ suất tài chính dùng để phân tích hiệu quả hoạt động của một doanh nghiệp.
- Nếu bạn so sánh các tỷ suất tài chính giữa các năm của cùng một doanh nghiệp, bạn cũng có thể biết xu hướng hoạt động của doanh nghiệp đó.
- Để có được cái nhìn đúng đắn về hiệu quả của một doanh nghiệp, cần so sánh các tỷ suất tài chính của doanh nghiệp này với tỷ suất của các doanh nghiệp khác trong cùng lĩnh vực hoạt động hoặc đối chiếu với những tỷ suất tiêu chuẩn/bình quân của ngành.
- **Tỷ suất thanh toán hiện hành** là một chỉ số tổng quát về khả năng chi trả nợ của một doanh nghiệp. Tuy nhiên, khả năng thanh toán của doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng nhiều nếu giá trị tồn kho chiếm tỷ trọng lớn và nhiều khả năng không thể bán lấy tiền mặt hoặc tỷ lệ khoản phải thu cao. Để khắc phục vấn đề này, **tỷ suất thanh toán nhanh** được tính bằng cách loại trừ hàng tồn kho và khoản phải thu khi tính tài sản lưu động.
- **Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu** dùng để đo hiệu quả sử dụng tài nguyên của doanh nghiệp.
- **Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản** dùng để đánh giá khả năng quản lý tài sản của giám đốc.
- Cổ đông/chủ sở hữu doanh nghiệp sẽ quan tâm đến **tỷ suất lợi nhuận trên nguồn vốn chủ sở hữu** để quyết định có nên đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

4 Suy ngẫm



Bây giờ bạn dành 5 phút để suy ngẫm những vấn đề vừa nghiên cứu và nghĩ xem bạn sẽ áp dụng chúng vào thực tế công việc của bạn như thế nào? Hãy viết ra những suy nghĩ của bạn:

D



A! Tôi đã học được ...

.....
.....
.....

Áp dụng khi nào?

.....
.....

Áp dụng điều đó ở công việc nào?

.....
.....
.....



A! Tôi đã học được ...

.....
.....
.....

Áp dụng khi nào?

.....
.....

Áp dụng điều đó ở công việc nào?

.....
.....
.....